

Trở lại chiến trường xưa
Nguyễn Công Khanh - Sài Gòn Nhỏ



Ảnh: pexels-life-of-pix

Hai vị dũng tướng, Marcel Bigeard của Quân đội Viễn chinh Pháp và tướng Ngô Quang Trưởng của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, cùng bại trận trong hai cuộc chiến mà lần nào cũng làm thay đổi vận mạng của Việt Nam.

Hai ông cùng có ý nguyện cuối cùng là sau khi qua đời, tro của mình sẽ được đem về rải tại chiến trường xưa.

Tướng Marcel “Bruno” Bigeard (1916-2010) là một sĩ quan Pháp. Ông đã tham dự ba cuộc chiến tranh: Thế chiến Thứ Hai, Chiến tranh Đông Dương trong đó có trận Điện Biên Phủ và trận chiến Algeria.

Ông xuất thân từ lính động viên binh nhì, 30 năm sau qua các chiến trận, hoàn thành binh nghiệp ở cấp tướng. Ông đã được chỉ định làm Tổng trưởng Quốc phòng một thời gian. Sau khi giải ngũ, ông được bầu là dân biểu Quốc Hội Pháp. Ông có 16 tác phẩm liên quan đến chiến tranh, đặc biệt nhất là chống du kích.



Tướng Marcel Bigeard (ảnh: Pool DEMANGE/MARCHI/Gamma-Rapho via Getty Images)

Năm 1945, lần đầu ông được phái đến Đông Dương, trong đó có nhiệm vụ huấn luyện dân quân Thái tại biên giới Lào chống lại sự xâm nhập của Việt Minh. Ba năm sau ông trở lại Việt Nam lần thứ hai để chỉ huy tiểu đoàn Thái, sau đó là tiểu đoàn Đông Dương vùng cao nguyên. Ông đã tham dự nhiều trận đánh tại Bắc Việt. Tháng Mười Một 1953, ông chỉ huy Tiểu đoàn Nhảy dù tham dự trận mở màn Điện Biên Phủ.

Tháng Ba 1954, Tiểu đoàn Dù của ông trở lại, tăng cường cho các căn cứ đang bị bao vây. Lòng quả cảm, tài mưu lược của ông đã giúp chặn lại nhiều cuộc tấn công vũ bão của đối phương. Ông được thăng Trung tá tại mặt trận. Nhưng cuối cùng ngày 7 Tháng Năm 1954 Điện Biên thất thủ, ông đã cùng mười ngàn đồng đội bị bắt cầm tù. Ba tháng sau ông được hồi hương.

Ông mất ngày 18 Tháng Sáu 2010, và là một trong những người được tặng huân chương nhiều nhất. Ý nguyện cuối cùng là tro của ông sẽ được rải xuống Điện Biên Phủ, nơi ông thất trận, bỏ lại những đồng đội ngã gục nằm đó bao lâu nay.

Theo tài liệu Wikipedia, những con số liên quan trận Điện Biên Phủ về phía Pháp gần như chính xác, còn con số về phía Việt Minh không được tiết lộ và chỉ là ước lượng.

Trong trận này, Pháp vận dụng gần 16,000 quân; tử trận và mất tích khoảng trên 4,000; bị bắt làm tù binh 10,998; trong số này có 4,436 là thương binh. Những tù binh này đã phải lợi bộ 400 km (259 dặm) mới đến được trại giam, và trong thời gian bị giam cầm, khoảng hơn 5,000 tù binh đã chết.

Số tù binh Pháp và lính thuộc địa hồi hương chỉ còn lại 3,290. Số tù binh lính địa phương Việt Nam và Thái là 3,013 người, không biết số phận họ ra sao. Về phía Việt Minh, theo nhiều nguồn tin, nhưng chắc chắn là con số gấp nhiều lần hơn của Pháp.

Việt Minh đã vận dụng khoảng 50,000 quân chính quy và 50,000 dân công trong việc tiếp vận cho chiến trường. Tổng số binh sĩ tử trận và dân công chết vì bệnh tật lên tới trên 30,000. Con số thương binh không được tính, thường gấp nhiều lần.

Rất nhiều binh sĩ hai bên mất tích vì bị bùn lầy vùi lấp trong các chiến hào đã không được tìm kiếm. Hiện nay có bốn nghĩa trang tại Điện Biên an táng 4,000 lính Việt Minh. Về phía Pháp chỉ có hai tượng đài nhỏ do các cựu chiến binh Pháp xây để tưởng niệm đồng đội của họ.

Chiến tranh chấm dứt, Việt Nam chia đôi. Gần một triệu người di cư từ Bắc vào Nam đi tìm tự do.

Buổi sáng hôm đó, trời trong xanh, đúng vào ngày Điện Biên Phủ thất thủ, ngày 7 Tháng Năm, một máy bay nhỏ giống như máy bay thám thính T28 xuất hiện, bay nhiều vòng trên thung lũng lòng chảo Điện Biên, và từ từ xuống thấp.

Sau đó, có những đám bụi từ phi cơ được tung xuống. Bỗng nhiên có những âm vang, nghe như hòa lẫn của những hồi kèn thúc quân với lời ngân của bài ca Hồn Tử Sĩ.

Rồi một cơn lốc xoáy từ đâu bốc lên đỡ những đám bụi đó cuốn đi và chạy vòng trong thung lũng qua các cứ điểm quân sự ngày xưa: Anne Marie, Isabelle, Gabrielle, Beatrice, Dominique, Hugette, Claudine, Elaine...

Chiếc máy bay lượn quanh thêm vài vòng sau đó khuất dần về phía chân trời. Thung lũng yên lặng trở lại. Tưởng như trong giây phút đó, trong những nghĩa trang bao la với những dãy mộ sơn trắng, những chiến binh Việt Minh chợt tỉnh từ giấc ngủ ngàn thu, cùng trở dậy chào mừng những vong hồn tử sĩ phía bên kia đã một thời tranh sự sống chết với mình, nay có một chủ tướng đã xuống nằm cùng với đồng đội.

Đoạn rải tro trên chỉ là một sự tưởng tượng. Ý nguyện cuối cùng của tướng Bigeard đã bị từ chối cùng thời gian Tổng trưởng Quốc phòng Pháp sang Việt Nam năm 2010. Nhà cầm quyền Hà Nội không muốn đó là một tiền lệ không hay cho họ.



Ảnh: ante-samarzija-unsplash

Vị tướng thứ hai là Trung tướng Ngô Quang Trưởng (1927-2007). Sinh tại Kiến Hòa, ông xuất thân là một sĩ quan tốt nghiệp Khóa 4 Thủ Đức năm 1954. Ngay sau khi ra trường, ông gia nhập binh chủng Nhảy dù cho đến năm 1966, từ cấp Đại đội trưởng, Tiểu đoàn trưởng rồi Tham mưu trưởng của Sư đoàn Dù.

Sau đó binh nghiệp của ông gắn liền với miền Trung, vùng địa đầu giới tuyến cho đến khi triệt thoái, qua các chức vụ Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh, Quân đoàn 1, Quân khu 1. Những lần được thăng cấp của ông đều dựa vào công trận. Ông có ba tác phẩm ghi lại các kinh nghiệm trong chiến tranh Việt Nam được tàng trữ trong Trung Tâm Quân Sử Quân Lực Hoa Kỳ (U.S. Army Center of Military History).



Trung tướng Ngô Quang Trưởng gắn huy chương cho một đơn vị binh sĩ Mỹ (Getty Images)

Ông đã được gọi là Người Hùng Quảng Trị, một vị tướng thanh liêm. Sau 1975, ông đến Hoa Kỳ, sống lặng lẽ tại tiểu bang Virginia cho tới khi qua đời. Ý nguyện cuối cùng là tro của ông được đem về rải trên đỉnh đèo Hải Vân. Gia đình ông đã làm tròn ý nguyện đó.

Hãy tưởng tượng một lần nữa. Sáng hôm đó, một chiếc xe van chạy từ phía Đà Nẵng leo lên đèo Hải Vân. Lúc lên tới đỉnh, đến một chỗ đậu sát bên đường, gần chỗ tháp canh cổ được xây từ thời vua Minh Mạng. Phía dưới là rừng xanh, xa là biển rộng.

Cả gia đình gồm một bà mẹ và mấy người con xuống xe. Trên áo họ đeo mảnh vải đen, dấu hiệu của tang chế. Một người con, có lẽ là con cả, hai tay ôm một chiếc bình gốm. Họ đi đến một móm đất cao, nhìn ra biển Thái Bình bao la. Một người con khác thấp hương, đưa cho mỗi người một nén. Họ bắt đầu đọc kinh, Kinh Bát Nhã. Tiếng kinh của họ thoảng bay trong gió. Bài kinh được đọc xong, người con cả đưa hũ tro đến cho mẹ và các em.

Mỗi người bốc một nắm nhỏ, ngậm ngừ như lưu luyến, rồi họ tung ra phía biển. Tiếng kinh lại thắm thì vang lên quyện vào với khói hương trầm như những tiếng gọi vong hồn tử sĩ. Một con lóc từ đâu thổi đến, mang theo những âm vang từ lòng đất, con lóc đã cuốn khói hương và tro của Tướng Trưởng bay về phía giới tuyến, nơi ông đã nhiều lần hành quân, lội bộ, ngồi quân xa hay trên trực thăng cùng các chiến hữu trong những trận chiến khốc liệt mà bao nhiêu đồng đội của ông gục ngã. Hôm đó ông đã trở về với họ.

Cũng theo Wikipedia, tổn hại trong chiến tranh Việt Nam của ba phía là: Hoa Kỳ có 58,272 lính tử trận; số bị thương 153,000; mất tích 1,687; và 866 tù binh hồi hương.

Nguồn tin từ chính phủ miền Bắc cho biết, số lính tử trận tổng cộng 1.1 triệu; trong đó có 849,000 lính Bắc Việt và 251,000 lính Việt Cộng miền Nam; 300,000 binh sĩ mất tích; số bị thương không được biết.

Phía Việt Nam Cộng Hòa, 266,000 tử trận, các con số khác không có nguồn tin. Về phía dân chúng có khoảng trên hai triệu người chết.

Nếu có dịp đi xe lửa Xuyên Việt Bắc Nam, người ta sẽ thấy có rất nhiều nghĩa trang lính Cộng sản nằm dọc hai bên đường sắt, với những hàng mộ trắng thẳng tắp và kỳ đài tưởng niệm được chăm lo chu đáo.

Trong khi đó không còn thấy đâu nghĩa trang của những người lính Cộng Hòa miền Nam. Bức tượng người lính an nghỉ Tiếc Thương và cả nghĩa trang Biên Hòa cũng bị phá nát.

Quốc hội Mỹ đã thu hồi \$1 triệu trợ giúp kỹ thuật hỗ trợ tìm các binh sĩ hai bên mất tích trong trận chiến tranh vừa qua, vì nhà cầm quyền Việt Nam từ chối không chịu tìm những binh sĩ miền Nam.

Nhìn lại thế giới, các cuộc nội chiến như Bắc-Nam của Mỹ, Đông và Tây Đức sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ, họ giải quyết khá nhanh, không gây những di hại hận thù dai dẳng. Ngay như giữa Mỹ và Nhật, hồi Thế chiến thứ hai, họ đập nhau chỉ từ,

nhưng sau chiến tranh, kẻ thua người thắng sát lại với nhau. Điều đó giúp cho Nhật Bản trở lại vai trò cường quốc. Như tinh thần thượng võ của hai võ sĩ quyền Anh, cùng ra sức giáng những cú thối sòn lên mặt nhau, mắt mũi sưng vù, nhưng sau trận đấu, họ thường đến ôm lấy nhau. Chắc đó hẳn là cái văn hóa chiến tranh của phương Tây.

Việt Nam đến nay, gần 50 năm rồi, thù hận giữa thắng và bại vẫn chưa xong. Bắc Hàn, Nam Hàn không biết đến bao giờ, Cam Bốt đã giải quyết gần xong. Có thể do ảnh hưởng độc hại của “văn hóa cầm quyền” của Trung Hoa, khi người ta luôn nuôi thù hận giữa các triều đại, bằng cách tru di tam tộc, nhổ cỏ nhổ tận gốc, phân chia giai cấp, bản nông đấu tố địa chủ v.v...

Cái bóng ma Trung Quốc vẫn còn phủ trùm lên các chư hầu Á châu, không những họ không thoát ra được mà các chư hầu còn đi xa hơn cái văn hóa thâm độc đó, bằng những từ “nguy quân, nguy quyền”, cải tạo, diệt tư sản, đẩy người ra biển để trục lợi. Cam Bốt lại còn đi quá xa bằng cách diệt chủng: Hai triệu người vô tội đã chết một cách dã man...

Cuộc chiến tranh triền miên là cuộc nội chiến tàn hại nhất lịch sử Việt Nam. Bao nhiêu người đã chết, hận thù vẫn chưa tiêu. Hai bên đều bị hai thế lực bên ngoài trực tiếp hay gián tiếp thúc đẩy để tương tàn, sát hại lẫn nhau. Chiến thắng Điện Biên Phủ tưởng sẽ đem lại cho miền Bắc hạnh phúc ấm no, trái lại người dân vẫn bị trầm luân trong cảnh đói khổ bao cấp suốt hơn hai mươi năm trời kể tiếp.

Rồi đến, “Đại thắng mùa Xuân”, đất nước thống nhất, đói khổ trầm luân vẫn tiếp tục và biết bao nhiêu thảm cảnh mới lại tiếp tục xảy ra, hàng trăm ngàn sĩ quan miền Nam bị đưa đi tù đầy cải tạo, gia đình ly tán.

Triệu người vượt biển tìm tự do và hàng trăm ngàn mạng người đã vùi thân dưới biển sâu. Phải đợi đến hai mươi năm sau khi lệnh cấm vận được bãi bỏ, đất nước mới có cơ hội thay đổi và phát triển, nhưng đồng thời lại gây nên bao tệ trạng xã hội trầm trọng, không thuốc chữa và vẫn không thoát khỏi nguy cơ Bắc thuộc, mất đất mất biển.

Tướng Trương đã trở về cùng với các đồng đội của ông. Tro tàn của ông hẳn đã bay đến bên các nắm mộ các binh sĩ, các dũng tướng anh hùng đã tuấn tiết trong giây phút cuối cùng.

Tro của ông chắc cũng đã bay đến bên những nắm mộ của các sĩ quan tàn lụi trong các trại cải tạo. Cùng nhau họ đã viết một thiên bi hùng ca cho những người lính thất trận miền Nam.

Bài viết có tham khảo bài Trái Tro Theo Gió của nhà văn Nguyễn Tường Thiết thuật lại việc rải tro tướng Ngô Quang Trưởng vào mùa Hè 2008